

Thử nghiệm biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh dân tộc thiểu số ở trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở miền núi phía Bắc

Đỗ Thị Nguyên Tiêu

Email: donguyentieu2103@gmail.com

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoa Thám

Xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh,

tỉnh Hải Dương, Việt Nam

TÓM TẮT: Nghiên cứu lý luận về giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho thấy, để giáo dục kỹ năng cho học sinh đạt hiệu quả các em cần phải được thực hành, vận dụng kỹ năng trong thực tế cuộc sống. Biện pháp tổ chức giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh theo hướng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng là một biện pháp có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh. Thực hiện biện pháp này, hoạt động giáo dục kỹ năng của nhà trường sẽ phù hợp thực tế, tạo cơ hội cho học sinh được vận dụng các kỹ năng vào thực tế cuộc sống, đồng thời tăng cường các nguồn lực cho giáo dục, tạo sự thống nhất giữa ba môi trường giáo dục. Bài viết trình bày quá trình thử nghiệm khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý trên, đồng thời biết được việc thực hiện biện pháp quản lý trong nhà trường có khó khăn gì, làm thế nào triển khai biện pháp có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng, mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của học sinh.

TỪ KHÓA: Thử nghiệm biện pháp quản lý, quản lý giáo dục kỹ năng, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở.

→ Nhận bài 14/7/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 03/8/2024 → Duyệt đăng 15/9/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410917>

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, biến đổi khí hậu và thiên tai ngày càng diễn biến bất thường ở nhiều nơi trên thế giới. Có thể kể đến hiện tượng nắng nóng ở Ấn Độ và một số nước Châu Á, nhiệt độ ở New Dehli đạt tới 52,9°C, cao nhất từ trước đến nay ở đây. Nhiệt độ tăng cao ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, dẫn đến hàng trăm người tử vong và hàng nghìn người phải nhập viện; Động vật ảnh hưởng nhiều. Ở nước ta, trong thời gian gần đây, mưa lớn ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Điển hình như ở Hà Giang, mưa lớn kéo dài gây lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại nhiều địa phương. Còn rất nhiều các thảm họa khác do thiên tai, thời tiết cực đoan gây ra ảnh hưởng lớn đến con người, phá hủy môi trường sinh thái và sự đa dạng sinh học. Chính vì vậy, có rất nhiều các nhà khoa học, nhiều tổ chức, cá nhân đã nghiên cứu về biến đổi khí hậu, nguyên nhân, các biện pháp giảm thiểu, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó phải kể đến Liên Hợp quốc với Công ước khung về biến đổi khí hậu. Công ước kêu gọi các nước trên thế giới giám sát phát thải khí nhà kính để duy trì mức tăng nhiệt độ của Trái Đất không quá 1,5°C so với giai đoạn tiền công nghiệp, nhằm giảm thiểu mức độ tác động của biến đổi

khí hậu, giúp xã hội, môi trường thiên nhiên có thêm thời gian thích nghi [1]. Một trong những biện pháp có tính lâu dài được các nước áp dụng là đưa giáo dục biến đổi khí hậu vào hệ thống trường phổ thông nhằm trang bị sớm cho thế hệ trẻ những tri thức về biến đổi khí hậu, những kỹ năng giúp các em ứng phó với biến đổi khí hậu [2]. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục biến đổi khí hậu, giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh rất cần có các biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động này. Chính vì vậy, tác giả đã nghiên cứu quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai ở trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc - một trong những nơi chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt, thiên tai và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp với loại hình trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

Quản lý: Theo tác giả Phan Văn Kha (2003): “Quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra công việc của các thành viên thuộc một hệ thống đơn vị và việc sử dụng các nguồn lực phù hợp để đạt

được mục đích đã định” [3]. Nhóm tác giả Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006) cho rằng: “Quản lý là sự phán đoán, lập kế hoạch, tổ chức điều khiển, phối hợp và cuối cùng là kiểm tra. Đó là năm chức năng cơ bản của quản lý” [4]. Theo tác giả Phạm Minh Hạc (2012): “Quản lý là tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể người lao động nói chung (khách thể quản lý) nhằm thực hiện mục tiêu dự kiến” [5].

Dựa trên các khái niệm trên, tác giả cho rằng “Quản lý” là tác động có mục đích thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đạt được mục tiêu của tổ chức.

Quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai: Theo tiếp cận quá trình giáo dục, tiếp cận chức năng quản lý, tiếp cận tham gia và theo khái niệm “*quản lý*” trình bày ở trên, tác giả đưa ra khái niệm: Quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai là quá trình các chủ thể quản lý lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra từng thành tố của quá trình giáo dục theo hướng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai và mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.

2.2. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các tài liệu để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Khảo sát bằng phiếu hỏi với các đối tượng gồm cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và đại diện các lực lượng giáo dục trong cộng đồng.

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh dân tộc thiểu số ở trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở miền núi phía Bắc.

2.3. Mục đích thử nghiệm

- Tổ chức thử nghiệm để khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý đề xuất.

- *Đối tượng thử nghiệm:* Thực hiện khảo sát với các đối tượng gồm cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh thuộc trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở, đại diện các lực lượng giáo dục trong cộng đồng tại địa phương.

- *Địa bàn và thời gian thử nghiệm:* Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Minh Sơn, xã Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Thời gian: Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024.

2.4. Đánh giá kết quả thử nghiệm

- Tổng hợp kết quả các phiếu khảo sát, xử lý kết quả bằng Excel, SPSS.

Chỉ báo 1: Hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh khi thay đổi cách thức phối hợp với các lực lượng giáo dục: Đánh giá mức độ hiệu quả sau khi thử nghiệm so với trước khi thử nghiệm.

Chỉ báo 2: Mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của học sinh sau khi thử nghiệm so với trước khi thực hiện thử nghiệm.

Các chỉ báo đều được đánh giá theo 5 mức, từ mức độ cao nhất đến mức độ thấp nhất với điểm số từ 5 điểm xuống 1 điểm. Điểm trung bình mức 1: 4,2 đến 5; Mức 2: 3,4 đến 4,19; Mức 3: 2,6 đến 3,39; Mức 4: 1,8 đến 2,59; Mức 5: $\leq 1,79$.

2.5. Giả thuyết thử nghiệm

Nếu tổ chức giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh theo hướng phối hợp các lực lượng giáo dục trong cộng đồng thì hiệu quả các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai sẽ được nâng lên. Từ đó nâng cao được mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.

2.6. Nội dung thử nghiệm

2.6.1. Lập kế hoạch thử nghiệm

Tổ chức khảo sát mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục, mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của học sinh trước và sau thử nghiệm. Thiết kế mẫu phiếu khảo sát cho các đối tượng khảo sát.

2.6.2. Thiết kế thử nghiệm

Với học sinh: Khảo sát 2 nhóm đối chứng: 50 học sinh và thực nghiệm: 54 học sinh dân tộc thiểu số khối lớp 9 của trường, kết quả học tập các môn có tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai như: Địa lý, Vật lý, Sinh học, Hóa học của học sinh hai nhóm ở mức tương đương. Khảo sát mức độ của 6 kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

Với cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, đại diện các lực lượng giáo dục trong cộng đồng: Khảo sát cùng mẫu phiếu trước và sau thử nghiệm với 2 nhóm: Nhóm đối chứng: 38 người (1 cán bộ quản lý, 15 giáo viên, 22 cha mẹ học sinh và đại diện các lực lượng giáo dục); Nhóm thử nghiệm: 39 người (2 cán bộ quản lý, 14 giáo viên, 23 cha mẹ học sinh và đại diện các lực lượng giáo dục). Hai nhóm tương đương nhau về các lực lượng giáo dục, trình độ chuyên môn của giáo viên, giáo viên dạy các môn học, giáo viên chủ nhiệm, độ tuổi, trình độ của cha mẹ học sinh. Khảo sát mức độ hiệu quả của hoạt động giáo dục khi tổ chức theo hướng

phối hợp với các lực lượng giáo dục gồm 9 tiêu chí.

Kí hiệu: Nhóm đối chứng - nhóm không chịu tác động: Trước thực nghiệm O₁, sau thực nghiệm O₃ Nhóm thực nghiệm - nhóm chịu tác động: Trước thực nghiệm O₂, sau thực nghiệm O₄.

Nhóm đối chứng: Nhà trường chủ động tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh, có sự tham dự của các lực lượng giáo dục trong cộng đồng ở hình thức thông qua hoạt động trải nghiệm là chủ yếu.

Nhóm thực nghiệm: Các lực lượng giáo dục trong cộng đồng tham gia cùng nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.

2.6.3. Tổ chức thử nghiệm

a. Lập kế hoạch cho việc phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng

Công tác chuẩn bị cho việc phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng. Đánh giá thực trạng công tác phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng cho thấy: Trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường đã phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng, tuy nhiên chủ yếu là cha mẹ học sinh, tổ chức Đoàn xã và phối hợp ở mức tham dự là chủ yếu. Người tham gia chưa hiểu rõ mục tiêu, nội dung của hoạt động, chưa tham gia đánh giá kết quả của hoạt động và hầu như chưa có sự trao đổi, tương tác giữa các lực lượng giáo dục trong cộng đồng với nhau. Về quản lý công tác phối hợp, nhà trường đã phát huy thế mạnh của từng lực lượng khi phối hợp, huy động nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, phát huy thế mạnh của các lực lượng giáo dục, khâu yếu là xác định vai trò và phổ biến, thống nhất để các lực lượng nhận thức rõ vai trò của cá nhân/tổ chức trong công tác phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Nhà trường tổ chức khảo sát thực trạng các điều kiện cho giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai: Cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ, cơ chế phối hợp, cơ sở pháp lý... có sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong cộng đồng. Đồng thời tìm hiểu để có những hiểu biết về các điều kiện thời gian, tinh

thần hỗ trợ, tiềm năng tài chính, năng lực tham gia các hoạt động giáo dục của các lực lượng giáo dục trong cộng đồng tại địa phương. Xác định nội dung phối hợp, thời gian phối hợp trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Nhà trường kết nối với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng, tạo lập mối quan hệ khăng khít, gắn bó với cha mẹ học sinh, địa phương, các ban ngành đoàn thể xã, đội ngũ bí thư chi bộ, trường thôn, các đơn vị kết nghĩa.

Xác định mục tiêu, nội dung phối hợp: Nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh; Tạo điều kiện để học sinh tăng khả năng vận dụng các kỹ năng vào thực tế cuộc sống; Phát huy thế mạnh của ba môi trường giáo dục, thực hiện nguyên lý giáo dục. Huy động được vốn kiến thức phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng dân cư địa phương trong giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh của trường.

Xác định các nguồn lực cần huy động: Nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính từ các lực lượng giáo dục trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Lên lịch trình cho các hoạt động phối hợp. Gửi kế hoạch phối hợp đến Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò trong phối hợp thực hiện hoạt động giáo dục.

b. Xây dựng chương trình phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng

c. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng giáo dục

Nhà trường tổ chức cuộc họp, hội nghị mời đại diện các lực lượng tham dự để cùng trao đổi, thảo luận thống nhất nhiệm vụ với các tập thể, cá nhân. Các lực lượng giáo dục cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong thực hiện kế hoạch giáo dục. Các nhiệm vụ của từng lực lượng với hoạt động giáo dục của nhà trường thể hiện bằng quy chế phối hợp.

d. Xác định nhiệm vụ của từng lực lượng giáo dục trong tổ chức các hoạt động phối hợp

Hiệu trưởng: Là đầu mối liên kết các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục kỹ năng

Bảng 1: Mô tả sự phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng trong thực hiện các hình thức giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh

STT	Hình thức giáo dục	Lực lượng phối hợp	Nguồn lực phối hợp
1. Bảng hoạt động trải nghiệm			
	Các chuyên đề giáo dục thực hiện trong nhà trường: Các hoạt động tuyên truyền các ngày Môi trường thế giới, Nước sạch thế giới, phòng chống cháy rừng...	Cha mẹ học sinh, Bí thư Đoàn xã, đại diện các ban ngành xã có liên quan.	Nhân lực
	Các chuyên đề giáo dục các kỹ năng cụ thể như: Phòng tránh tai nạn thương tích, kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng bơi...	Cha mẹ học sinh, đại diện các ban ngành xã có liên quan: Công an, Y tế.	Nhân lực, vật lực, tài lực

STT	Hình thức giáo dục	Lực lượng phối hợp	Nguồn lực phối hợp
2. Qua các câu lạc bộ			
	Hỗ trợ các câu lạc bộ xây dựng kế hoạch, các hoạt động trong năm học, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần.	Cha mẹ học sinh có chuyên môn, hiểu biết về các nội dung hoạt động.	Nhân lực
	Hỗ trợ học sinh tìm kiếm thông tin, soạn nội dung, viết bài và thực hiện tuyên truyền theo chủ đề về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.	Cha mẹ học sinh có chuyên môn về hoạt động thông tin và truyền thông.	Nhân lực, vật lực
	Hướng dẫn học sinh tìm ý tưởng và thực hiện nghiên cứu về biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.	Cha mẹ học sinh có hiểu biết về giáo dục biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.	Nhân lực, vật lực
3. Các hoạt động giáo dục trong cộng đồng.			
	Tổ chức các hoạt động tình nguyện, hoạt động tuyên truyền của các câu lạc bộ.	Bí thư Đoàn xã, bí thư chi bộ/trưởng thôn, Cha mẹ học sinh.	Nhân lực, vật lực, tài lực
	Tổ chức các hoạt động nhân đạo từ thiện, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học.	Bí thư Đoàn xã, bí thư chi bộ/trưởng thôn, Cha mẹ học sinh.	Nhân lực, vật lực, tài lực

ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh. Xác định nguồn lực cần huy động trong năm học và điều tiết cho từng hoạt động cụ thể. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của nhà trường khi có sự phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng. Điều chỉnh quá trình phối hợp để công tác phối hợp ngày càng phù hợp và hiệu quả.

Đội ngũ trong nhà trường: Phó hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận liên quan tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai theo nội dung chương trình, lịch trình thời gian đã thống nhất. Tổ trưởng chuyên môn theo dõi và hỗ trợ giáo viên thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trong kế hoạch tổ theo tháng, tuần. Bí thư Đoàn trường, tổng phụ trách phối hợp bí thư Đoàn xã thực hiện các hoạt động giáo dục trong cộng đồng.

Các lực lượng phối hợp: Thực hiện các hoạt động phối hợp theo chương trình đã xây dựng. Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp cùng với nhà trường. Cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường về nguồn nhân lực cho công tác chuẩn bị, phương tiện, hậu cần cho học sinh.

e. Tổ chức các hoạt động phối hợp

Hiệu trưởng: Xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc tổ chức hoạt động: Xác định thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức, đối tượng tham gia, huy động các nguồn lực, phụ trách chung việc chỉ đạo thực hiện nội dung chương trình giáo dục theo hướng phối hợp các lực lượng giáo dục. Duy trì và phát triển mối quan hệ hài hòa với địa phương và các lực lượng giáo dục trong cộng đồng.

Đội ngũ trong nhà trường: Các thành viên xác định thời gian thực hiện, phương pháp sử dụng, hình thức tổ chức từng nội dung, quy mô thực hiện để xác định người chịu trách nhiệm chính trong tổ chức thực hiện.

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng

hoạt động theo hình thức ngoại khóa, trải nghiệm, mỗi hoạt động cần thể hiện các nội dung: 1) Mục tiêu của hoạt động; 2) Nội dung, hình thức, chương trình tổ chức; 3) Thời gian, địa điểm tổ chức; 4) Nguồn lực huy động: Về con người, về lực lượng phối hợp, về tài chính, về cơ sở vật chất, phương tiện.

Các lực lượng phối hợp: Thực hiện các hoạt động phối hợp theo chương trình đã xây dựng. Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp cùng với nhà trường. Cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường về nguồn nhân lực cho công tác chuẩn bị, phương tiện, hậu cần cho học sinh. Các lực lượng khác như Bí thư Đoàn xã, Bí thư chi bộ, trưởng thôn: Hỗ trợ nhà trường về địa điểm tổ chức, công tác tuyên truyền.

f) Điều kiện thực hiện công tác phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng

Hiệu trưởng hiểu rõ đặc điểm các lực lượng cần phối hợp trong tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường để phát huy tối đa hiệu quả phối hợp. Trong mỗi hoạt động cần xác định rõ lực lượng phối hợp, nhiệm vụ khi phối hợp, phối hợp để huy động nguồn lực gì.

Với các tổ chức phi Chính phủ, tổ chức quốc tế khi vào nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục, tài trợ nhà trường, hiệu trưởng cần tìm hiểu rõ mục đích của tổ chức, báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo trước khi cho tổ chức tiếp cận học sinh, cha mẹ học sinh của trường. Nhà trường công khai các nội dung cần hỗ trợ, các khoản tài trợ, hỗ trợ tạo sự tin tưởng trong hội đồng sư phạm nhà trường và các lực lượng phối hợp.

2.7. Kết quả thử nghiệm

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, điểm trung bình chung theo đánh giá của 2 nhóm về hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trước thử nghiệm đều bằng 3,61 ở mức

Bảng 2: Mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trước khi thử nghiệm

STT	Các biểu hiện đánh giá hiệu quả của hoạt động giáo dục kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai	Nhóm	SL %	Mức độ hiệu quả					\bar{X}	Thứ hạng
				Rất hiệu quả	Hiệu quả	Ít hiệu quả	Không hiệu quả	Hoàn toàn không hiệu quả		
1	Mỗi hoạt động giáo dục kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai đều có mục tiêu rõ ràng, sát với mục tiêu giáo dục của nhà trường.	01	SL	5	17	16	0	0	3,71	4
			%	13,2	44,7	42,1	0	0		
		02	SL	4	19	16	0	0	3,69	3
			%	10,3	48,7	41,0	0	0		
2	Các hoạt động giáo dục có nội dung, được tổ chức với hình thức phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh của trường.	01	SL	2	21	15	0	0	3,66	5
			%	5,3	55,2	39,5	0	0		
		02	SL	0	26	13	0	0	3,67	4
			%	0	66,7	33,3	0	0		
3	Đa dạng hóa hình thức giáo dục kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.	01	SL	8	12	18	0	0	3,74	3
			%	21,1	31,6	47,3	0	0		
		02	SL	5	14	20	0	0	3,62	7
			%	12,8	35,9	51,3	0	0		
4	Phát huy kiến thức, kinh nghiệm về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của cộng đồng tại địa phương trong giáo dục học sinh.	01	SL	0	5	30	3	0	3,05	9
			%	0	13,2	78,9	7,9	0		
		02	SL	0	6	33	0	0	3,15	9
			%	0	15,4	84,6	0	0		
5	Tạo môi trường giáo dục đa dạng và phong phú, tạo cho học sinh cảm giác an toàn, học sinh nhận được sự khích lệ, sự truyền cảm hứng từ các hoạt động giáo dục.	01	SL	0	25	13	0	0	3,63	6
			%	0	65,8	34,2	0	0		
		02	SL	1	24	13	1	0	3,64	6
			%	2,6	61,5	33,3	2,6	0		
6	Học sinh có nhiều cơ hội thực hành các hành vi của kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.	01	SL	0	30	8	0	0	3,79	2
			%	0	78,9	21,1	0	0		
		02	SL	0	30	9	0	0	3,77	1
			%	0	76,9	23,1	0	0		
7	Có sự liên kết giữa các nội dung giáo dục, sự kết nối giữa các hình thức giáo dục, phát huy ảnh hưởng tích cực của giáo dục trong cộng đồng trong giáo dục kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.	01	SL	0	32	6	0	0	3,84	1
			%	0	84,2	15,8	0	0		
		02	SL	1	27	11	0	0	3,74	2
			%	2,6	69,2	28,2	0	0		
8	Chủ thể quản lí nhà trường thuận lợi hơn trong việc nhận các thông tin phản hồi đánh giá hoạt động giáo dục từ các lực lượng giáo dục, từ đó có sự đánh giá toàn diện về các hoạt động giáo dục làm cơ sở để ra các quyết định quản lí phù hợp.	01	SL	0	22	15	1	0	3,55	7
			%	0	57,9	39,5	2,6	0		
		02	SL	0	25	14	0	0	3,64	5
			%	0	64,1	35,9	0	0		
9	Các lực lượng giáo dục có sự sáng tạo trong sử dụng phương pháp, công cụ đánh giá kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của học sinh phù hợp thực tế.	01	SL	0	20	18	0	0	3,53	8
			%	0	52,6	47,4	0	0		
		02	SL	0	26	10	3	0	3,59	8
			%	0	66,7	25,6	7,7	0		

Điểm trung bình chung: Nhóm đối chứng: 3,61; Nhóm thực nghiệm: 3,61

(Chú thích: SL: số lượng)

Bảng 3: Mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai sau khi thử nghiệm

TT	Tiêu chí	Kết quả thực nghiệm	N	Điểm trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)	Sai số chuẩn trung bình (Std. Error Mean)	t-test for Equality of Means (Sig)
1	Mỗi hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai đều có mục tiêu rõ ràng, sát với mục tiêu giáo dục của nhà trường.	03_ĐC	38	3.987	.5290	.0607	0,00
		04_TN	39	4.740	.4414	.0503	
2	Các hoạt động giáo dục có nội dung, được tổ chức với hình thức phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh của trường.	03_ĐC	38	3.763	.4280	.0491	0,00
		04_TN	39	4.727	.4483	.0511	
3	Các hoạt động giáo dục có nội dung, được tổ chức với hình thức phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh của trường.	03_ĐC	38	3.868	.7719	.0885	0,00
		04_TN	39	4.597	.4936	.0563	
4	Phát huy kiến thức, kinh nghiệm về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của cộng đồng tại địa phương trong giáo dục học sinh.	03_ĐC	38	3.132	.3403	.0390	0,00
		04_TN	39	4.766	.4260	.0485	
5	Tạo môi trường giáo dục đa dạng và phong phú, tạo cho học sinh cảm giác an toàn, học sinh nhận được sự khích lệ, sự truyền cảm hứng từ các hoạt động giáo dục.	03_ĐC	38	3.724	.4501	.0516	0,00
		04_TN	39	4.753	.4339	.0495	
6	Học sinh có nhiều cơ hội thực hành các hành vi của kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.	03_ĐC	38	4.000	.0000	.0000	0,00
		04_TN	39	4.753	.4339	.0495	
7	Có sự liên kết giữa các nội dung giáo dục, sự kết nối giữa các hình thức giáo dục, phát huy ảnh hưởng tích cực của giáo dục trong cộng đồng trong giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh.	03_ĐC	38	3.855	.3542	.0406	0,00
		04_TN	39	4.896	.3071	.0350	
8	Chủ thể quản lý nhà trường thuận lợi hơn trong việc nhận các thông tin phản hồi đánh giá hoạt động giáo dục từ các lực lượng giáo dục, từ đó có sự đánh giá toàn diện về các hoạt động giáo dục làm cơ sở để ra các quyết định quản lý phù hợp.	03_ĐC	38	3.592	.4947	.0567	0,00
		04_TN	39	4.364	.4842	.0552	
9	Các lực lượng giáo dục có sự sáng tạo trong sử dụng phương pháp, công cụ đánh giá kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của học sinh phù hợp thực tế.	03_ĐC	38	3.592	.4947	.0567	0,00
		04_TN	39	4.506	.5032	.0573	

(Chú thích: ĐC: Đối chứng; TN: Thử nghiệm)

Bảng 4: So sánh mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai của hai nhóm trước và sau thử nghiệm

STT	Kỹ năng	Điểm trung bình trước và sau thử nghiệm					
		Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
		Trước	Sau	Độ tăng	Trước	Sau	Độ tăng
1	Hành động bảo vệ môi trường	3,72	3,94	0,22	3,65	4,39	0,74
2	Truyền thông bảo vệ rừng, phát triển rừng	3,70	3,86	0,16	3,59	4,35	0,76
3	Tuyên truyền về giảm thiểu phát thải khí nhà kính	3,68	3,78	0,10	3,65	4,31	0,66
4	Thoát hiểm trong một số tình huống do thiên tai gây ra	3,66	3,82	0,14	3,63	4,33	0,70
5	Sơ cứu ban đầu	3,64	3,84	0,20	3,46	4,50	1,04
6	Kỹ năng bơi	2,82	3,20	0,38	3,26	4,00	0,74
Điểm trung bình chung		3,54	3,74	0,2	3,54	4,32	0,78

khá. Kết quả này khẳng định việc lựa chọn các thành viên của 2 nhóm đảm bảo tương đương nhau về sự hiểu biết, nắm bắt các hoạt động của nhà trường. Ở mỗi tiêu chí điểm trung bình trước thử nghiệm của hai nhóm đều gần bằng nhau.

Bảng 3 cho thấy, trung bình chung theo đánh giá

của 2 nhóm về hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trước thử nghiệm đều bằng 3,61 ở mức khá. Sau thử nghiệm, trung bình chung của cả hai nhóm đối chứng và thực nghiệm đều tăng tuy nhiên độ tăng của nhóm thực nghiệm lớn hơn chứng tỏ sự tác động của biện

pháp quản lý là có ý nghĩa. Kết quả khảo sát cho thấy, các lý luận đưa ra là có ý nghĩa, khi tác động các biện pháp quản lý đến các hoạt động giáo dục đã tạo ra sự thay đổi tích cực các mặt của hoạt động giáo dục; Làm thay đổi cách thức phối hợp, phát huy được nguồn lực trong cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng cho học sinh. Phỏng vấn một bí thư chi bộ thôn khi tham gia phối hợp giáo dục cho học sinh các kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai ông cho biết: Có sự phối hợp vừa nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đồng thời cộng đồng người dân địa phương bảo tồn được vốn tri thức bản địa đã đúc kết từ rất nhiều thế hệ về kinh nghiệm dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó với sự bất thường của khí hậu.

Bảng 4 cho thấy, trung bình chung các kỹ năng của học sinh ở hai nhóm trước thử nghiệm đều bằng 3,54 ở mức khá. Sau thử nghiệm, mức độ kỹ năng của nhóm đối chứng trung bình chung là 3,74 ở mức khá, của nhóm thực nghiệm trung bình chung là 4,32 ở mức tốt.

Mức độ kỹ năng của học sinh ở nhóm thực nghiệm tăng nhiều hơn cho thấy khi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh theo hướng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong cộng đồng chất lượng các hoạt động giáo dục tăng lên và mức độ kỹ năng của học sinh được nâng lên.

3. Kết luận

Kết quả thử nghiệm cho thấy, mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai khi đánh giá theo 9 tiêu chí với thang đo gồm 5 mức độ sau thử nghiệm điểm trung bình đều tăng so với trước thử nghiệm. Mức độ kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai cho học sinh được nâng lên đã khẳng định giả thuyết thử nghiệm là đúng. Đồng thời, kết quả thử nghiệm cũng cho thấy, khi tác động các biện pháp quản lý khoa học tới các đối tượng quản lý đã tạo ra sự thay đổi theo chiều hướng tích cực ở các đối tượng này.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|--|
| <p>[1] Liên Hợp quốc, (1992), <i>Công ước khung về biến đổi khí hậu</i>.</p> <p>[2] Đỗ Thị Lý, (2017), <i>Tổ chức các hoạt động giáo dục biến đổi khí hậu trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông với sự trợ giúp của công nghệ thông tin và truyền thông</i>, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>[3] Phan Văn Kha (2007), <i>Quản lý nhà nước về giáo dục</i></p> | <p>(Giáo trình), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[4] Bùi Minh Hiền (chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), <i>Quản lý giáo dục</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[5] Phạm Minh Hạc (2012), <i>Định hướng giá trị Xã hội con người Việt Nam trong thời kì đổi mới và hội nhập</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> |
|--|--|

TESTING MANAGEMENT MEASURES ON EDUCATING CLIMATE CHANGE RESPONSE AND DISASTER PREVENTION SKILLS FOR ETHNIC MINORITY STUDENTS IN SEMI-BOARDING ETHNIC LOWER SECONDARY SCHOOLS IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION

Do Thi Nguyen Tieu

Email: donguyentieu2103@gmail.com
 Hoa Tham Primary and Lower Secondary School
 Hoang Hoa Tham commune, Chi Linh city,
 Hai Duong province, Vietnam

ABSTRACT: *Theoretical research on educating climate change response and disaster prevention skills shows that it is essential for students to practice and apply these skills in real-life situations to teach them effectively. Implementing measures to teach students on climate change response and disaster prevention skills by collaborating with community educational forces is a meaningful approach to enhance educational efficiency. By adopting this measure, the skill education activities in schools will become more practical, providing opportunities for students to apply their skills in daily life while also strengthening educational resources and creating consistency across three educational environments. This paper presents the measure testing to confirm its effectiveness, identify challenges in implementation, and explore how to effectively deploy it to improve the quality of skill education and the level of students' climate change adaptation and disaster prevention skills.*

KEYWORDS: *Testing management measures, management of skill education, responding to climate change, preventing natural disasters, semi-boarding ethnic lower secondary schools.*